

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6-7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	8-9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Cổ đông là các tổ chức: gồm 7 đơn vị nắm giữ 3.560.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ;
- Cổ đông cá nhân gồm:
 - + Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 4.677.295 cổ phần, chiếm 16,42% vốn điều lệ;
 - + 16 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 5% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 20.191.719 cổ phần, chiếm 70,87% vốn điều lệ;
 - + Các cổ đông khác nắm giữ 0,21% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2017 là 44 người (tại ngày 31/12/2016 là 35 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quang Chung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	15/08/2017	
Bà Phương Minh Huệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	21/05/2014	15/08/2017
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT	15/08/2017	
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên	21/05/2014	15/08/2017
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên	20/5/2016	15/08/2017
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên	15/08/2017	
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên	15/08/2017	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	15/08/2017	
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên	15/08/2017	
Ông Vũ Văn Trung	Thành viên	15/08/2017	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ban Giám đốc			
Ông Lê Văn Khoa	Tổng Giám đốc	22/7/2017	
Ông Hồ Thanh Tiến	Tổng Giám đốc	21/05/2014	22/7/2017
Ban kiểm soát			
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban kiểm soát	15/08/2017	
Bà Đỗ Thị Huyền	Trưởng Ban kiểm soát		15/08/2017
Bà Vũ Thị Lê Anh	Thành viên		15/08/2017
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	15/08/2017	
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên	15/08/2017	
Kế toán trưởng			
Ông Hoàng Hữu Điền		11/09/2017	
Bà Nguyễn Thị Thu Phương			11/09/2017

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đang hoàn thiện hồ sơ, làm thủ tục để đăng ký Công ty Cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoài vấn đề nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Lô T2, Khu công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Đại diện pháp luật của Công ty.



Lê Văn Khoa
Tổng Giám đốc

Kontum, ngày 25 tháng 01 năm 2018

1014
GT
HH
TOA
ETN
NỘI

Số: 179/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2018, từ trang 8 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.3 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính năm 2017 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Báo cáo kiểm toán độc lập số 106/VACO/BCKT.HCM phát hành ngày 06/05/2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



A blue handwritten signature that reads "Thắng".

Phan Huy Thăng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Nguyễn Văn Thắng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0857-2018-137-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.168.586.372	47.495.243.353
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	19.659.299.814	14.676.900.028
1. Tiền	111		19.659.299.814	14.676.900.028
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.061.490.168	24.134.851.523
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	7.853.634.398	6.037.751.985
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	10.306.445.705	15.835.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	4.901.410.065	2.262.099.538
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.447.796.390	8.683.491.802
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		319.727.884	19.701.626
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.08	1.126.384.845	8.663.790.176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.08	1.683.661	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		550.727.468.321	559.912.875.616
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.784.358.255	173.433.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	12.784.358.255	173.433.000
II. Tài sản cố định	220		367.255.922.226	388.967.568.942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.05	367.255.922.226	388.967.568.942
- Nguyên giá	222		474.456.409.513	471.274.596.532
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.200.487.287)	(82.307.027.590)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		170.520.000.000	170.520.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.06	170.520.000.000	170.520.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		167.187.840	251.873.674
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		167.187.840	251.873.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		594.896.054.693	607.408.118.969

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		291.576.948.618	312.365.261.044
I. Nợ ngắn hạn	310		24.948.029.984	25.086.342.410
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.07	229.451.080	166.456.413
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.08	2.782.060.962	6.419.967.398
3. Phải trả người lao động	314		653.979.685	326.685.706
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.09	-	500.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	227.418.257	73.232.893
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	20.950.000.000	17.600.000.000
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		105.120.000	-
II. Nợ dài hạn	330		266.628.918.634	287.278.918.634
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	266.628.918.634	287.278.918.634
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		303.319.106.075	295.042.857.925
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.12	303.319.106.075	295.042.857.925
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.415.106.075	10.138.857.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.312.393.230	10.138.857.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.102.712.845	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		594.896.054.693	607.408.118.969

Kon Tum, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Long



Hoàng Hữu Điền



Lê Văn Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		79.917.336.470	59.549.454.280
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.01	79.917.336.470	59.549.454.280
3. Giá vốn hàng bán	11	6.02	35.841.231.095	22.546.008.471
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.076.105.375	37.003.445.809
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	37.411.629	976.670.722
6. Chi phí tài chính	22	6.05	30.621.660.112	25.447.187.422
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.621.660.112	25.447.187.422
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	2.533.931.729	2.063.173.326
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.957.925.163	10.469.755.783
9. Thu nhập khác	31		5.037.852.905	1.516.725
10. Chi phí khác	32		5.292.042.386	17.005.631
11. Lợi nhuận khác	40		(254.189.481)	(15.488.906)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.703.735.682	10.454.266.877
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		601.022.837	522.713.344
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập	60		10.102.712.845	9.931.553.533

Kon Tum, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Long



Hoàng Hữu Điền



Lê Văn Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Đơn vị: VND	
		Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.703.735.682	10.454.266.877
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	24.893.459.697	20.371.673.050
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.411.629)	(976.670.722)
- Chi phí lãi vay	06	30.621.660.112	25.447.187.422
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	66.181.443.862	55.296.456.627
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.001.842.230)	30.601.761.795
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.508.482.203)	(13.964.139.278)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(215.340.424)	(253.016.897)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(32.621.124.807)	(26.921.514.675)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(378.807.386)	(1.052.217.562)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(960.904.655)	(389.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.494.942.157	43.318.070.010
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.249.954.000)	(103.667.121.030)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	37.411.629	8.002.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.212.542.371)	(103.659.118.551)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	14.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	74.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.300.000.000)	(13.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.300.000.000)	74.800.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.982.399.786	14.458.951.459
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.676.900.028	217.948.569
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.659.299.814	14.676.900.028

Kon Tum, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Thị Kim Long


 Hoàng Hữu Điền




 Lê Văn Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;
Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ năm ngày 02/08/2017 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng). Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ sở hữu vốn của Công ty gồm các cổ đông sau:

- Cổ đông là các tổ chức: gồm 7 đơn vị nắm giữ 3.560.000 cổ phần, chiếm 12,50% vốn điều lệ;
- Cổ đông cá nhân gồm:
 - + Ông Nguyễn Ngọc Tường nắm giữ 4.677.295 cổ phần, chiếm 16,42% vốn điều lệ;
 - + 16 cổ đông là các cá nhân có tỷ lệ sở hữu từ 3,5% đến dưới 5% vốn điều lệ, tổng số cổ phần nắm giữ là 20.191.719 cổ phần, chiếm 70,87% vốn điều lệ;
 - + Các cổ đông khác nắm giữ 0,21% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
I	Công ty con			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
II	Đơn vị trực thuộc			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán về Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	235.016.844	242.388.609
Tiền VND gửi ngân hàng	19.424.282.970	14.434.511.419
<i>Ngân hàng Vietcombank Tỉnh Kon Tum</i>	<i>290.463.992</i>	<i>1.254.998</i>
<i>Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Gia Lai</i>	<i>994.941</i>	<i>1.021.280</i>
<i>Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>7.245</i>	<i>632.795</i>
<i>Ngân hàng Dầu khí Toàn Cầu - CN Gia Lai</i>	<i>1.063.009</i>	<i>1.063.009</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>6.581.387.042</i>	<i>3.729.669.237</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp - PGD Lê Lợi Kon Tum</i>	<i>1.321.623</i>	<i>589.000</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp - Kon Tum</i>	<i>12.549.045.118</i>	<i>10.700.281.100</i>
Cộng	<u>19.659.299.814</u>	<u>14.676.900.028</u>

5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	7.853.634.398	6.037.751.985
Cộng	<u>7.853.634.398</u>	<u>6.037.751.985</u>

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tấn Phát	10.109.570.000	15.780.000.000
Trả trước các đối tượng khác	196.875.705	55.000.000
Cộng	<u>10.306.445.705</u>	<u>15.835.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5.04 Các khoản phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	4.901.410.065	-	2.262.099.538	-
- Phải thu tạm ứng	3.929.795.020	-	1.293.431.295	-
Ông Nguyễn Ngọc Tường	-	-	1.277.694.066	-
Ông Hồ Thanh Tiến	30.198.390	-	-	-
Ông Trần Quang Chung	175.058.000	-	-	-
Ông Lê Văn Khoa	132.047.493	-	-	-
Ông Nguyễn Công Thành	3.173.940.000	-	-	-
Nguyễn Văn Quân	127.000.000	-	-	-
Bùi Thị Thanh Huyền	31.167.156	-	-	-
Các đối tượng tạm ứng khác	260.383.981	-	15.737.229	-
- Phải thu khác	971.615.045	-	968.668.243	-
Công ty TNHH nước Vin (lợi nhuận được chia năm 2016)	968.668.243	-	968.668.243	-
Nguyễn Thị Hiền (Nợ TK338)	2.946.802	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	12.784.358.255	-	173.433.000	-
- Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)	173.433.000	-	173.433.000	-
- Phải thu dài hạn khác	12.610.925.255	-	-	-
Công ty TNHH Trung Việt	385.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Công Thành	12.225.925.255	-	-	-
Cộng	17.685.768.320	-	2.435.532.538	-

5.05 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	468.660.950.120	98.700.000	2.464.746.412	50.200.000	471.274.596.532
Tăng trong năm	-	150.000.000	3.031.812.981	-	3.181.812.981
Mua trong năm	-	150.000.000	3.031.812.981	-	3.181.812.981
Số dư tại 31/12/2017	468.660.950.120	248.700.000	5.496.559.393	50.200.000	474.456.409.513
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	81.898.440.679	58.370.971	326.510.387	23.705.553	82.307.027.590
Tăng trong năm	24.193.535.640	37.066.672	646.124.057	16.733.328	24.893.459.697
Khấu hao trong năm	24.193.535.640	37.066.672	646.124.057	16.733.328	24.893.459.697
Số dư tại 31/12/2017	106.091.976.319	95.437.643	972.634.444	40.438.881	107.200.487.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	386.762.509.441	40.329.029	2.138.236.025	26.494.447	388.967.568.942
Tại 31/12/2017	362.568.973.801	153.262.357	4.523.924.949	9.761.119	367.255.922.226

Như trình bày tại thuyết minh 5.11, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là 362.568.973.801 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.06 Đầu tư vào công ty con

	01/01/2017		31/12/2017	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng
	Vốn Quyền biểu năm giữ quyết			
Công ty TNHH Trung Việt	98%	170.520.000.000	-	-
Cộng	98%	170.520.000.000	-	-

Năm 2016, Công ty nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kể từ ngày 15/6/2016 với số tiền là 170.520.000.000 VND, chiếm 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt. Hoạt động chính của Công ty TNHH Trung Việt là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty TNHH Trung Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên số 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31/12/2017 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, Công ty TNHH Trung Việt có lãi lũy kế, do đó Công ty chưa cần thiết trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

(*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, do công ty Công ty TNHH Trung Việt chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2017.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.07 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	33.264.000	33.264.000	8.316.000	8.316.000
Công ty CP TV XD năng lượng tái tạo	41.536.000	41.536.000	-	-
Chi nhánh TPHCM - Công ty TNHH kiểm toán Vaco	29.350.000	29.350.000	-	-
Trung Tâm Kinh Doanh VNPT - Kon Tum - CN Tổng Công Ty Dịch vụ Viễn Thông	22.808.000	22.808.000	5.852.000	5.852.000
Công ty bảo hiểm toàn cầu Gia Lai	-	-	108.255.067	108.255.067
Công ty lưới điện cao thế Miền Trung	35.944.336	35.944.336	42.833.004	42.833.004
Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện Miền Trung	39.735.684	39.735.684	-	-
Phải trả khách hàng khác	26.813.060	26.813.060	1.200.342	1.200.342
Cộng	229.451.080	229.451.080	166.456.413	166.456.413

5.08 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Phải nộp	6.419.967.398	9.101.707.936	12.739.614.372	2.782.060.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	522.713.344	601.022.837	378.807.386	744.928.795
Thuế thu nhập cá nhân	1.603.250	31.556.835	12.757.485	20.402.600
Thuế tài nguyên	381.241.042	6.389.654.739	5.371.733.513	1.399.162.268
Thuế nhà đất	-	3.468.791	3.468.791	-
Thuế môn bài	-	4.500.000	4.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.514.409.762	2.071.504.734	6.968.347.197	617.567.299
Phải thu	8.663.790.176	971.261.491	8.506.983.161	1.128.068.506
Thuế GTGT được khấu	8.663.790.176	969.577.830	8.506.983.161	1.126.384.845
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	1.683.661	-	1.683.661

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.09 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	500.000.000
Cộng	-	500.000.000

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u> VND	<u>01/01/2017</u> VND
Bảo hiểm xã hội	6.509.480	57.897.261
Bảo hiểm y tế	28.386.811	2.525.144
Bảo hiểm thất nghiệp	12.621.916	1.122.285
Phải trả khác cho các cá nhân trong Công ty	179.900.050	11.688.203
Cộng	227.418.257	73.232.893

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.11 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị: VND

	Phát sinh trong năm			Số có khả năng trả nợ
	01-01-17	31-12-17	Giá trị	
Vay ngắn hạn Ngân hàng (Nợ dài hạn đến hạn trả)	17.600.000.000	17.600.000.000	17.300.000.000	20.950.000.000
- Ngân hàng Agribank - CN kon Tum (i)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	3.150.000.000
- Ngân Hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	15.600.000.000	17.500.000.000	15.300.000.000	17.800.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	287.278.918.634	287.278.918.634	20.650.000.000	266.628.918.634
- Ngân hàng Agribank - CN kon Tum (i)	72.000.000.000	72.000.000.000	3.150.000.000	68.850.000.000
- Ngân Hàng thương mại cổ phần Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	215.278.918.634	215.278.918.634	17.500.000.000	197.778.918.634
Tổng	304.878.918.634	304.878.918.634	20.650.000.000	287.578.918.634

(i) Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-DN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vín. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐắkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐắkNe để thế chấp cho khoản vay này.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Trong vòng một năm	20.950.000.000	17.600.000.000
Trong năm thứ hai	23.150.000.000	21.150.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	78.300.000.000	79.550.000.000
Sau năm năm	165.178.918.634	186.578.918.634
Cộng	287.578.918.634	304.878.918.634
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	20.950.000.000	17.600.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	266.628.918.634	287.278.918.634

5.12 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Đơn vị tính: VND		
Số dư tại 01/01/2016	83.384.000.000	14.616.604.225	98.000.604.225
Tăng trong năm	201.520.000.000	14.139.489.996	215.659.489.996
Lợi nhuận tăng	-	9.931.553.533	9.931.553.533
Tăng khác	-	4.207.936.463	4.207.936.463
Giảm trong năm	-	18.617.236.296	18.617.236.296
Trích lập các quỹ	-	389.260.000	389.260.000
Chia cổ tức	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Giảm khác	-	1.227.976.296	1.227.976.296
Số dư tại 31/12/2016	284.904.000.000	10.138.857.925	295.042.857.925
Số dư tại 01/01/2017	284.904.000.000	10.138.857.925	295.042.857.925
Tăng trong năm	-	10.102.712.845	10.102.712.845
Lợi nhuận tăng	-	10.102.712.845	10.102.712.845
Giảm trong năm	-	1.826.464.695	1.826.464.695
Trích lập các quỹ (*)	-	240.000.000	240.000.000
Giảm khác (**)	-	1.586.464.695	1.586.464.695
Số dư tại 31/12/2017	284.904.000.000	18.415.106.075	303.319.106.075

(*) Công ty tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định của Hội đồng quản trị, việc trích lập này sẽ được thông qua trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

(**) Giảm khác trong năm là khoản chi phí lãi tiền vay phải trả Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Kon Tum từ ngày 28/12/2016 đến 31/12/2016 với số tiền 60.081.778 VND của khoản vay để mua lại nhà máy Tà Vi; khoản bổ sung tiền lãi vay tháng 12/2016 phải trả Ngân Hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội với số tiền 1.439.382.917 VND của khoản vay để tái tài trợ và đầu tư Nhà máy Thủy điện ĐăkNe và khoản chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 với số tiền 87.000.000 VND.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 02/08/2017, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 284.904.000.000 VND được chia thành 28.490.000 cổ phần, mệnh giá 10.000VND/Cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Huy Cường	1.093.000	3,84%	4.678.231	16,42%
Nguyễn Ngọc Tường	4.677.295	16,42%	4.677.295	16,42%
Ông Trần Quang Chung	1.038.900	3,65%	9.566.969	33,58%
Ông Nguyễn Ngọc Trung	1.400.000	4,91%	9.566.969	33,58%
Ông Lưu Thanh Nghị	1.395.000	4,90%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Hoa	1.390.000	4,88%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Kim My	1.346.400	4,73%	-	0,00%
Ông Lý Văn Tài	1.353.200	4,75%	-	0,00%
Bà Ngô Thị Bích Trâm	1.367.500	4,80%	-	0,00%
Các cổ đông khác	13.429.105	47,14%	936	0,00%
Cộng	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	83.384.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	201.520.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	240.000.000	17.389.260.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2017 Cổ phiếu	Năm 2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.01 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán điện của Nhà máy ĐăkNe	66.620.883.496	59.549.454.280
Doanh thu bán điện của Nhà máy Tà Vi	13.296.452.974	-
Cộng	79.917.336.470	59.549.454.280

6.02 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của Nhà máy ĐăkNe	30.959.858.886	22.546.008.471
Giá vốn của Nhà máy Tà Vi	4.881.372.209	-
Cộng	35.841.231.095	22.546.008.471

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.411.629	8.002.479
Lãi từ mua dự án nhà máy thủy điện Tà Vi	-	968.668.243
Cộng	37.411.629	976.670.722

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	30.621.660.112	25.447.187.422
Cộng	30.621.660.112	25.447.187.422

6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.169.756.294	1.059.486.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.583.676	42.806.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	516.948.562	214.386.412
Thuế phí và lệ phí	29.472.677	72.319.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.613.604	355.579.131
Chi phí bằng tiền khác	634.556.916	318.596.339
Cộng	2.533.931.729	2.063.173.326

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**6.06 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.703.735.682	10.454.266.877
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế</i>		
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	199.617.513	-
Tổng thu nhập chịu thuế	10.903.353.195	10.454.266.877
Thu nhập chịu thuế suất hiện hành (20%)	372.367.849	-
Thu nhập được hưởng thuế suất ưu đãi (10%)	10.530.985.346	10.454.266.877
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (thuế suất 20%)	74.473.570	-
Thuế hoạt động kinh doanh được ưu đãi (10%)	1.053.098.535	1.045.426.688
Thuế TNDN được miễn, giảm (50%)	526.549.267	522.713.344
Cộng chi phí thuế TNDN phải nộp	601.022.837	522.713.344

Trong năm 2017, thu nhập chịu thuế của Công ty là từ nhà máy thủy điện ĐăkNe và nhà máy thủy điện Tà Vi. Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên cũ là Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkNe) được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện ĐăkNe được bàn giao lại cho Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkNe vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện ĐăkNe được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty Cổ phần Tấn Phát cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

6.08 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.645.300	42.806.068
Chi phí nhân công	3.541.753.227	2.594.587.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.396.004.667	20.371.673.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.832.626.984	1.174.265.010
Chi phí khác bằng tiền	2.560.132.646	431.728.497
Cộng	38.375.162.824	24.615.059.697

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Công ty đang hoàn thiện hồ sơ, làm thủ tục để đăng ký Công ty Cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài vấn đề nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

7.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Tấn Phát	Cùng thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty	Quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tấn Phát	5.790.430.000	645.021.029
Thanh toán công nợ	-	-
Công ty Cổ phần Tấn Phát	120.000.000	16.489.523.133
Cho vay		
Công ty TNHH Trung Việt	385.000.000	-

7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải thu khác (Nợ TK138)		
Ông Nguyễn Công Thành	12.225.925.255	-
Công ty TNHH Trung Việt	385.000.000	-
Phải thu tạm ứng (Nợ TK141)		
Nguyễn Văn Quân	127.000.000	-
Trần Quang Chung	175.058.000	-
Lê Văn Khoa	132.047.493	-
Nguyễn Công Thành	3.173.940.000	-
Hồ Thanh Tiến	30.198.390	-
Trả trước người bán (Nợ TK331)		
Công ty cổ phần Tấn phát	10.109.570.000	15.780.000.000
Phải trả khác (Có TK 338)		
Nguyễn Ngọc Tường	4.500.000	-
Hồ Thanh Tiến	13.424.328	-
Nguyễn Văn Quân	4.500.000	-
Lê Văn Khoa	4.500.000	-

Thù lao HĐQT và lương Giám đốc và các khoản phúc lợi khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng thu nhập	515.854.887	237.067.363

7.3 Thông tin so sánh

Số dư tại ngày 01/01/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Báo cáo kiểm toán độc lập số 106/VACO/BCKT.HCM phát hành ngày 06/05/2017 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần, cho rằng số dư tại ngày 31/12/2016 phản ánh trung thực, hợp lý.

Kon Tum, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Kim Long

Hoàng Hữu Điền

Lê Văn Khoa